

Số: 373 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng
tại mỏ đá Mũi Tàu, xã Tân Lập, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 28/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá xây dựng xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Trữ lượng tính đến tháng 11 năm 2017);

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 01/GP-UBND ngày 08/01/2019 của UBND tỉnh cấp cho Chi nhánh Bình Phước - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-STNMT ngày 05/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá Mũi Tàu, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Chi nhánh Bình Phước - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ.



2. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q): 20.283.686 m³ (đá nguyên khối). Trong đó:

a) Trữ lượng huy động vào khai thác: 22.509.268 m³ đá nguyên khối (Theo Dự án đầu tư và Thiết kế cơ sở đã được Sở Công Thương thẩm định tại Công văn số 1609/SCT-CN ngày 17/10/2018).

b) Trữ lượng đã khai thác từ khi cấp phép đến 31/12/2018 là 3.227.094 m³ nguyên khai tương đương 2.225.582 m³ đá nguyên khối.

c) Trữ lượng huy động vào khai thác còn lại phải tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 20.283.686 m³ đá nguyên khối.

3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp:

a) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo trữ lượng đã khai thác từ 01/01/2014 đến 31/12/2018 là: 3.346.177.423 đồng, trong đó:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo trữ lượng đã khai thác từ 01/01/2014 đến 30/6/2015: 572.116.202 đồng.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo trữ lượng đã khai thác từ 01/7/2015 đến 31/01/2017: 922.712.108 đồng.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo trữ lượng đã khai thác từ 01/02/2015 đến 31/12/2017: 472.222.691 đồng.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo trữ lượng đã khai thác từ 01/01/2018 đến 31/12/2018: 1.379.126.422 đồng.

b) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Chi nhánh Bình Phước - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ đã nộp đến năm 2018 là: 12.795.139.950 đồng.

c) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Chi nhánh Bình Phước - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ đã nộp nhưng chưa khai thác là (b-a): 9.448.962.527 đồng.

d) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo trữ lượng huy động vào khai thác:

- Trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 20.283.686 m³.

- Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (G): 125.375 đồng/m³ đá nguyên khối. Trong đó: Giá tính thuế tài nguyên: 85.000 đồng/m³; Hệ số nở ròi: 1,475.

- Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác: $K_1 = 0,9$.

- Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: $k_2 = 0,95$.

- Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: $R = 3\%$.

Tổng số tiền tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt: $20.283.686 \times 125.375 \times 0,9 \times 0,95 \times 3\% = 65.229.671.942$ đồng (Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ, hai trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng).

e) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là (d-c):

65.229.671.942 - 9.448.962.527 = 55.780.709.415 đồng.

(Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ, bảy trăm tám mươi triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn, bốn trăm mười lăm đồng).

4. Tổng số lần nộp: 12 lần.

5. Số tiền nộp hàng năm:

- Số tiền nộp từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 (từ năm 2019 đến năm 2029): 4.850.496.471 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt đồng).

- Số tiền nộp lần thứ 12 (năm 2030): 2.425.248.235 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng).

Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
4.850.496.471	4.850.496.471	4.850.496.471	4.850.496.471
Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
4.850.496.471	4.850.496.471	4.850.496.471	4.850.496.471
Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
4.850.496.471	4.850.496.471	4.850.496.471	2.425.248.235

- Số tiền nộp từ lần thứ hai phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

6. Diện tích huyện Đồng Phú chiếm 100 %.

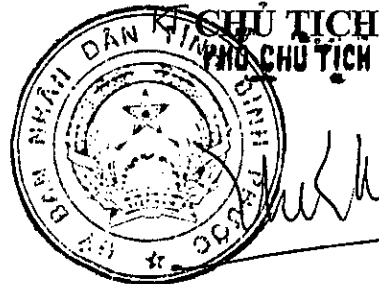
Điều 2. Chi nhánh Bình Phước - Công ty cổ phần đá Núi Nhỏ có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐC & KSVN (để biết);
- Các Sở: TN&MT, Công Thương;
- Cục Thuế tỉnh (để phối hợp);
- CN Bình Phước - C.ty CP đá Núi Nhỏ (để thực hiện);
- LDVP, P. KT.
- Lưu: VT.(Trung)



Huynh Anh Minh